

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 212/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23/9/2022

“V/ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hiền**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Phạm Thị Thà**.

Bà **Đỗ Thị Thanh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 199/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022, về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 266/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 185/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/9/2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1979.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Phù Tải II, xã Kim Đ, huyện Kim T, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang cư trú tại: AFXENTION 9 2622 MITSERO NICOSIA CYPURS Cộng hòa Síp.

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn K**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn Phù Tải II, xã Kim Đ, huyện Kim T, tỉnh Hải Dương.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người được chị Th ủy quyền về việc giao, nhận văn bản: Ông **Nguyễn Minh Đ**, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Đội 5, xã Kim Đ, huyện Kim T, tỉnh Hải Dương.

Chị Th, anh K và ông Đ vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày: Chị và anh Trần Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kim Đ, huyện Kim T, tỉnh Hải Dương vào ngày 08/3/1998. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống với

nhau được 11 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên đã sống ly thân và từ lâu không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn K.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị Lan A, sinh ngày 10/01/1999 và Trần Anh C, sinh ngày 15/02/2005, hiện các con đang ở với ông bà ngoại. Con Trần Thị Lan A đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung Trần Anh C cho đến khi con thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian chị không có mặt tại Việt Nam, chị ủy quyền cho bố đẻ chị là ông Nguyễn Minh Đ chăm sóc con chung Trần Anh C

Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện chị Th đang lao động tại Cộng hòa Síp nên chị ủy quyền cho ông Nguyễn Minh Đ thay chị giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Theo biên bản lấy lời khai ngày 23/9/2022, bị đơn – Anh Trần Văn K trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Th được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn như chị Th trình bày là đúng. Vợ chồng đến năm 2011 thì chị Th đi lao động tại Cộng hòa Síp, thời gian đầu chị Th có liên lạc về cho bố con anh, sau thưa dần và không liên lạc nữa. Đến năm 2017, chị Th có về nước và đề nghị ly hôn, nhưng thời điểm đó do con lớn chuẩn bị vào học đại học, sợ ảnh hưởng đến tâm lý của con nên anh, chị không làm thủ tục ly hôn. Sau đó chị Th tiếp tục sang Cộng hòa Síp làm ăn, thời gian này anh được biết chị Th đã có người khác nên không quan tâm, không để ý và không có trách nhiệm với anh. Vợ chồng có thời gian sống ly thân đã lâu. Nay chị Th có đơn xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung như chị Th trình bày là đúng. Ly hôn, anh đồng ý để chị Th nuôi dưỡng con chung là Trần Anh C cho đến khi con thành niên, đồng ý về việc chị Th tự nguyện không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con. Trong thời gian chị Th không có mặt tại Việt Nam anh nhất trí giao cháu C cho ông Nguyễn Minh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng. Đối với cháu Trần Thị Lan A đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh K xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời đề nghị được xét xử vắng mặt.

- Ông Trần Bình T (bố đẻ anh Trần Văn K) trình bày: Anh Trần Văn K và chị Nguyễn Thị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K rượu chè, cờ bạc, không quan tâm đến gia đình vợ con, chơi bời dẫn đến nợ nần làm cho kinh tế gia đình kiệt quệ. Từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ, xô xát, đánh cãi nhau. Năm 2010 chị Th đi lao động nước ngoài, anh K ở nhà vẫn chứng nào tật ấy, không tu chí làm ăn, chị Th phải trả nợ thay cho anh, từ đó mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn. Năm 2018, chị Th về phép có nói chuyện để hai bên gia đình hòa giải và khuyên bảo anh K nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Nay chị Th có đơn xin ly hôn, quan điểm của ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho ông, ông đã giao lại cho anh K đầy đủ.

- Con chung của chị Th và anh K là cháu Trần Thị Lan A và cháu Trần Anh C trình bày: Do mâu thuẫn từ năm 2010 nên bố mẹ không còn yêu thương, quan tâm gì đến nhau. Từ năm 2010 các cháu về ở cùng ông bà ngoại cho, anh K có đi lại thăm nom các cháu, đến năm 2013 thì không qua lại nữa. Các cháu không muốn bố mẹ ly hôn, việc ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Cháu Trần Anh C có nguyện vọng được ở với chị Th và ông bà ngoại nếu bố mẹ ly hôn.

- Người được chị Th ủy quyền về việc nuôi dưỡng con chung và giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án - ông Nguyễn Minh Đ trình bày: Ông đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Anh C cho đến khi chị Th về nước, ông không yêu cầu anh K, chị Th phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu C, đồng thời ông nhất trí nhận ủy quyền của chị Th về việc giao nhận văn bản tố tụng tại Tòa án, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, ông đã thông báo cho chị Th biết, chị Th vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

- Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị Th và anh K sinh sống và cư trú thể hiện: Chị Th và anh K được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống bất đồng, bên cạnh đó anh K là người mải chơi, không quan tâm đến gia đình vợ con. Kể từ năm 2010 chị Th đi lao động ở nước ngoài, còn anh K vẫn sinh sống tại địa phương. Nay chị Th có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị Th ly hôn anh Trần Văn K. Về con chung: Giao con chung Trần Anh C cho chị Th nuôi dưỡng, anh K không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu C cho ông Nguyễn Minh Đ nuôi dưỡng trong thời gian chị Th vắng mặt tại Việt Nam. Về án phí: Chị Th phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th có địa chỉ trước khi xuất cảnh ở thôn Phù Tải II, xã Kim Đ, huyện Kim T, tỉnh Hải Dương, hiện chị đang sinh sống và làm việc tại Cộng hòa Síp. Bị đơn anh Trần Văn K đang sinh sống tại thôn Phù Tải II, xã Kim Đ, huyện Kim T, tỉnh Hải Dương, do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Mặc dù, chị Th không về Việt Nam tham gia tố tụng nhưng chị đã gửi các tài liệu gồm: Đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền và đơn xin vắng mặt về Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, các tài liệu này đã được Đại sứ quán nước CHXHCN Việt Nam tại Athens, Cộng hòa Hy Lạp chứng thực. Do vậy có đủ cơ sở xác định nội dung trong các văn bản trên là ý chí, quan điểm ly hôn của chị Th. Chị Th, anh K và ông Đ đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kim Đ, huyện Kim T, tỉnh Hải Dương vào ngày 08/3/1998 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 11 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thiếu sự quan tâm đến nhau. Năm 2010 chị Th đi nước ngoài lao động nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Thực tế từ năm 2017 chị Th đã đề nghị anh K về việc giải quyết ly hôn nhưng do sợ ảnh hưởng đến con nên anh chị không làm thủ tục ly hôn. Nay cả hai anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Th có đơn xin ly hôn, anh K cũng đồng ý. Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị

Th và anh K đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th, xử cho chị Th được ly hôn anh K là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Văn K có 02 con chung là Trần Thị Lan A, sinh ngày 10/01/1999 và Trần Anh C, sinh ngày 15/02/2005, hiện các con đang ở với ông Nguyễn Minh Đ. Con chung Trần Thị Lan A đã thành niên nên anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung Trần Anh C, anh chị đã thống nhất giao cho chị Th nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi), đồng thời chị Th ủy quyền cho ông Đ chăm sóc, nuôi dưỡng con Trần Anh C cho đến khi chị Th về nước, đồng thời thống nhất anh K không phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy, thực tế cháu C đang sống ổn định cùng với ông Đ và có nguyện vọng được ở với ông ngoại khi bố mẹ ly hôn. Chị Th hiện đang lao động tại đảo Síp và có đủ điều kiện kinh tế khi được giao nuôi con. Ông Đ cũng có quan điểm đồng ý nuôi dưỡng cháu C trong thời gian chị Th không ở Việt Nam. Do vậy việc thỏa thuận của anh K, chị Th là phù hợp với thực tế và không trái quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu C cho ông Nguyễn Minh Đ nuôi dưỡng trong thời gian chị Th không có mặt tại Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên chị Th, anh K không yêu cầu xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Th ly hôn anh Trần Văn K.
2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Th được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Trần Anh C, sinh ngày 15/02/2005 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian chị Th không ở Việt Nam, tạm giao cháu C cho ông Nguyễn Minh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Trần Văn K được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai

được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp, theo biên lai thu số AA/2021/0001089 ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do ông Nguyễn Minh Đ nộp thay). Chị Th đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Trần Văn K và ông Nguyễn Minh Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Kim Đ, huyện Kim T, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền